Ký bởi: Tổng cục Thuế
Địa chỉ: 123 Lò Đúc
Thời gian ký: 04.05.2023 14:37

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4289 /BTC-TCT V/v xin ý kiến dự thảo Thông tư	*Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2023*

Kính gửi:
- Các Bộ; cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Hội Tư vấn Thuế Việt Nam.

Căn cứ quy định tại Khoản 7 Điều 35 Luật Quản lý thuế: "7. Khi mã số định danh cá nhân được cấp cho toàn bộ dân cư thì sử dụng mã số định danh cá nhân thay cho mã số thuế".

Thực hiện Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 15/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện kết nối, chia sẻ giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 16/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Nhằm tạo thuận lợi và đơn giản thủ tục hành chính cho người nộp thuế là cá nhân, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế, Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Bộ Tài chính xin gửi tới Quý cơ quan, đơn vị bản dự thảo Thông tư để Quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu và tham gia đóng góp ý kiến.

Ý kiến tham gia xin gửi bằng văn bản về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế - số 1A Nguyễn Công Trứ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội), đồng thời gửi vào địa chỉ hòm thư điện tử ptha@gdt.gov.vn trước ngày 31 tháng 5 năm 2023.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận: - Như trên; - Cổng thông tin điện tử Chính phủ; - Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính; - Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế; - Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để tgyk); - Các Vụ/Cục thuộc BTC: PC, CST, VP, Vụ I, Cục THTKTC (để tgyk); - Các Vụ thuộc TCT: PC, CS, DNNCN, DNL, TTKT, QLN, TTHT, CNTT, VP (để tgyk); - Lưu: VT, TCT (VT, KK (3b)). 135	**KT. BỘ TRƯỞNG** **THỨ TRƯỞNG** **Nguyễn Đức Chi**

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2023/TT-BTC DỰ THẢO-18.04.2023	*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế và Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

Căn cứ các Luật về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20/11/2014; Luật Cư trú ngày 13/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân; Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 hướng dẫn về đăng ký thuế và Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 hướng dẫn về đăng ký thuế

1. Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 và sửa đổi điểm a, điểm h khoản 3 Điều 5 như sau:

"2a. Số định danh cá nhân được cấp theo quy định của pháp luật về căn cước công dân là mã số thuế của cá nhân, đại diện hộ gia đình theo quy định tại điểm k, l, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này (trừ trường hợp cá nhân

kinh doanh thì sử dụng mã số thuế được cấp theo quy định tại điểm a.2, điểm h Khoản 3 Điều này).

"3. Phân loại cấu trúc mã số thuế

a) ~~Mã số thuế 10 chữ số được sử dụng cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc tổ chức không có tư cách pháp nhân nhưng trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế; đại diện hộ gia đình, hộ kinh doanh và cá nhân khác (sau đây gọi là đơn vị độc lập).~~

Mã số thuế 10 chữ số được sử dụng cho các tổ chức, cá nhân sau đây (gọi là đơn vị độc lập):

a.1) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc tổ chức không có tư cách pháp nhân nhưng trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế;

a.2) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có phát sinh nghĩa vụ thuế từ hoạt động kinh doanh;

a.3) Cá nhân chưa được hoặc không được cấp số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về căn cước công dân."

"h) ~~Người nộp thuế là hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và cá nhân khác theo quy định tại Điểm i, k, l, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư này được cấp mã số thuế 10 chữ số cho người đại diện hộ gia đình, người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân và cấp mã số thuế 13 chữ số cho các địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.~~ ***Người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 4 Thông tư này có hoạt động kinh doanh tại nhiều địa điểm thì được cấp mã số thuế 13 chữ số cho các địa điểm kinh doanh tiếp theo của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh."***

2. Sửa đổi điểm d khoản 6, khoản 9, khoản 10 Điều 7 như sau:

"6. Đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay và tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu quy định tại Điểm g, m Khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế như sau:

d) Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế ký hợp đồng ủy nhiệm thu. Hồ sơ đăng ký thuế gồm: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.~~1~~4-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này."

9. Đối với người nộp thuế là cá nhân quy định tại Điểm k, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

a) Cá nhân nộp thuế thu nhập cá nhân thông qua cơ quan chi trả thu nhập và có uỷ quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế thì người nộp thuế nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan chi trả thu nhập. Trường hợp nộp thuế thu nhập cá nhân tại nhiều cơ quan chi trả thu nhập trong cùng một kỳ nộp thuế, cá nhân chỉ uỷ quyền đăng ký thuế tại một cơ quan chi trả thu nhập ~~để được cơ quan thuế cấp mã số thuế~~. Cá nhân thông báo mã số thuế của mình với các cơ quan chi trả thu nhập khác để sử dụng vào việc kê khai, nộp thuế.

Hồ sơ đăng ký thuế của cá nhân gồm: văn bản ủy quyền ***theo mẫu số 01/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cá nhân chưa được hoặc không được cấp số định danh cá nhân, hồ sơ đăng ký thuế gồm:*** văn bản ủy quyền ***theo mẫu số 01/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này*** và một trong các giấy tờ của cá nhân ~~(bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc~~ bản sao Giấy chứng minh nhân dân ***9 số*** còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài).

Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin đăng ký thuế của cá nhân vào tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

b) Cá nhân nộp thuế thu nhập cá nhân không qua cơ quan chi trả thu nhập hoặc không ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế thì người nộp thuế nộp hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan thuế như sau:

b.1) Nộp tại Cục Thuế nơi cá nhân làm việc đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam chi trả nhưng tổ chức này chưa thực hiện khấu trừ thuế. Hồ sơ đăng ký thuế gồm: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này. ***Trường hợp cá nhân chưa được hoặc không được cấp số định danh cá nhân, hồ sơ đăng ký thuế gồm:*** Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này; ~~Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc~~ bản sao Giấy chứng minh nhân dân ***9 số*** còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam hoặc bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài.

b.2) Nộp tại Cục Thuế nơi phát sinh công việc tại Việt Nam đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài.

Hồ sơ đăng ký thuế như quy định tại Điểm b.1 Khoản này, đồng thời bổ sung bản sao văn bản bổ nhiệm của Tổ chức sử dụng lao động trong trường hợp cá nhân người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân được cử sang Việt Nam làm việc nhưng nhận thu nhập tại nước ngoài.

b.3) Nộp tại Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đối với cá nhân đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế (cá nhân có nghĩa vụ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp chưa có mã số thuế; cá nhân có hoạt động chuyển nhượng bất động sản chưa có mã số thuế; cá nhân có phát sinh nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thu phát sinh không thường xuyên gồm: lệ phí trước bạ, chuyển nhượng vốn và các khoản thu phát sinh không thường xuyên khác chưa có mã số thuế).

Hồ sơ đăng ký thuế lần đầu là hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp ***cá nhân chưa được hoặc không được cấp số định danh cá nhân***, hồ sơ khai thuế chưa có bản sao các giấy tờ còn hiệu lực của cá nhân (bao gồm: ~~Thẻ căn cước công dân hoặc~~ Giấy chứng minh nhân dân ***9 số còn hiệu lực*** đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam; Hộ chiếu đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài) thì người nộp thuế phải gửi kèm một trong các loại giấy tờ này cùng với hồ sơ khai thuế.

Trường hợp cơ quan thuế và cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện liên thông thì cơ quan thuế căn cứ vào Phiếu chuyển thông tin của cơ quan quản lý nhà nước gửi đến nếu không có hồ sơ khai thuế.

b.4) Nộp tại Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú) đối với những trường hợp khác. Hồ sơ đăng ký thuế như quy định tại Điểm b.1 Khoản này.

10. Đối với người phụ thuộc theo quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu như sau:

a) Trường hợp cá nhân có uỷ quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế cho người phụ thuộc thì nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan chi trả thu nhập.

Hồ sơ đăng ký thuế của người phụ thuộc gồm: Văn bản ủy quyền ***theo mẫu số 01/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp người phụ thuộc chưa được hoặc không được cấp số định danh cá nhân, hồ sơ đăng ký thuế gồm:*** Văn bản ủy quyền ***theo mẫu số 01/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này*** và giấy tờ của người phụ thuộc ~~(bản sao Thẻ căn cước công dân~~ bản sao Giấy chứng minh nhân dân ***9 số*** còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam ~~từ đủ 14 tuổi trở lên; bản sao Giấy khai sinh hoặc bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam dưới 14 tuổi;~~ hoặc bản sao Hộ chiếu đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài).

Cơ quan chi trả thu nhập tổng hợp và gửi Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

b) Trường hợp cá nhân không ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế cho người phụ thuộc, nộp hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan thuế tương ứng theo quy định tại Khoản 9 Điều này. Hồ sơ đăng ký thuế gồm: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này. ***Trường hợp người phụ thuộc chưa được hoặc không được cấp số định danh cá nhân, người nộp thuế nộp kèm theo Tờ khai đăng ký thuế một trong các giấy tờ của người phụ thuộc*** (~~Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc~~ bản sao Giấy chứng minh nhân dân ***9 số*** còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên; bản sao Giấy khai sinh hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam dưới 14 tuổi; bản sao Hộ chiếu còn hiệu

lực đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài).

~~Trường hợp cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân đã nộp hồ sơ đăng ký người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh trước thời điểm Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính có hiệu lực nhưng chưa đăng ký thuế cho người phụ thuộc thì nộp hồ sơ đăng ký thuế nêu tại Khoản này để được cấp mã số thuế cho người phụ thuộc.~~"

3. Bổ sung Điều 7a sau Điều 7 như sau:

"Điều 7a. Xử lý thông tin đăng ký thuế đối với trường hợp sử dụng số định danh cá nhân là mã số thuế

1. Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa thực hiện truyền thông tin chủ động cho Cơ sở dữ liệu thuế

a) Khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 7 Thông tư này, cơ quan thuế gửi thông tin truy vấn đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo bộ thông tin do người nộp thuế kê khai gồm: số định danh cá nhân, họ và tên, ngày-tháng-năm sinh.

b) Căn cứ kết quả phản hồi của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư truyền sang:

- Trường hợp kết quả xác thực là có thông tin của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan thuế cập nhật các thông tin của cá nhân do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư truyền sang vào hệ thống đăng ký thuế; gửi Thông báo sử dụng số định danh cá nhân là mã số thuế theo mẫu số 41/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này cho người nộp thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế.

- Trường hợp kết quả xác thực là không có thông tin của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan thuế gửi Thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC (đối với hồ sơ điện tử) hoặc Thông báo về việc giải trình bổ sung thông tin tài liệu mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP (đối với hồ sơ giấy) cho người nộp thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ để người nộp thuế kiểm tra, đối chiếu. Trường hợp cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế danh sách cá nhân sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế theo mẫu số 41/TB-ĐKT đồng thời với thông báo danh sách cá nhân không có thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo mẫu số 40/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có).

Sau khi kiểm tra, trường hợp thông tin số định danh cá nhân, họ và tên, ngày-tháng-năm sinh tại Tờ khai đăng ký thuế khác với thông tin trên Căn cước công dân, người nộp thuế khai, nộp lại hồ sơ đăng ký thuế khác.

Trường hợp thông tin số định danh cá nhân, họ và tên, ngày-tháng-năm sinh tại Tờ khai đăng ký thuế trùng với thông tin trên Căn cước công dân, người nộp thuế gửi bổ sung bản sao căn cước công dân kèm Tờ khai đăng ký thuế. Sau khi kiểm tra, đối chiếu Tờ khai đăng ký thuế và bản sao căn cước công dân, nếu thông tin trùng khớp, cơ quan thuế cấp mã số thuế cho người nộp thuế theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Thông tư này, đồng thời thông tin với cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và người nộp thuế biết để cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thực hiện truyền thông tin chủ động cho Cơ sở dữ liệu thuế

a) Đối với cá nhân được cấp mới số định danh cá nhân:

- Khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư truyền sang cơ quan thuế số định danh được cấp mới cho cá nhân, cơ quan thuế tiếp nhận và lưu thông tin số định danh cá nhân ở trạng thái chưa phát sinh nghĩa vụ thuế vào hệ thống đăng ký thuế.

- Khi người nộp thuế thực hiện thủ tục về thuế lần đầu với cơ quan thuế bằng số định danh cá nhân, cơ quan thuế thực hiện chuyển trạng thái của số định danh cá nhân từ chưa phát sinh nghĩa vụ thuế sang trạng thái phát sinh nghĩa vụ thuế để thực hiện quản lý thuế.

b) Đối với cá nhân được cấp số định danh cá nhân trước thời điểm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thực hiện truyền thông tin chủ động cho Cơ sở dữ liệu thuế nhưng cơ quan thuế chưa thông báo cho cá nhân sử dụng số định danh là mã số thuế thì thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư này."

4. Sửa đổi Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 8 như sau:

"2. Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân *(trừ cá nhân, đại diện hộ gia đình được quy định tại khoản 2a Điều 5 Thông tư này)*

a) "Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân" mẫu số 12-MST ban hành kèm theo Thông tư này được cơ quan thuế cấp cho cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại Điểm b.1, b.2, b.4, b.5 Khoản 9 Điều 7 Thông tư này.

b) "Thông báo mã số thuế cá nhân" mẫu số 14-MST ban hành kèm theo Thông tư này được cơ quan thuế thông báo cho cơ quan chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 9 Điều 7 Thông tư này. *Trường hợp chưa cấp mã số thuế cho cá nhân, cơ quan thuế thông báo cho cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập theo mẫu số 40/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó nêu rõ lý từ chối và yêu cầu đối với người nộp thuế.*

Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo mã số thuế hoặc lý do chưa được cấp mã số thuế cho từng cá nhân để điều chỉnh, bổ sung thông tin của cá nhân. Cơ quan chi trả thu nhập nộp lại hồ sơ đăng ký thuế ***sau khi được điều chỉnh, bổ sung*** cho cơ quan thuế để được cấp mã số thuế cho cá nhân theo quy định.

c) Cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập hoặc cá nhân đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế theo quy định tại Điểm a và Điểm b.3 Khoản 9 Điều 7 Thông tư này có Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân mẫu số 32/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này gửi đến cơ quan thuế đã cấp mã số thuế thì cơ quan thuế thực hiện cấp "Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân", trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này.

3. Thông báo mã số thuế người phụ thuộc ***(trừ cá nhân được quy định tại khoản 2a Điều 5 Thông tư này)***

a) "Thông báo mã số thuế người phụ thuộc" mẫu số 21-MST ban hành kèm theo Thông tư này được cơ quan thuế cấp cho cá nhân trực tiếp đăng ký thuế cho người phụ thuộc theo quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều 7 Thông tư này.

b) "Thông báo mã số thuế của người phụ thuộc ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập" mẫu số 22-MST ban hành kèm theo Thông tư này được cơ quan thuế thông báo cho cơ quan chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thuế cho người phụ thuộc theo quy định tại Điểm a Khoản 10 Điều 7 Thông tư này. ***Trường hợp chưa cấp mã số thuế cho người phụ thuộc, cơ quan thuế thông báo cho cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập theo mẫu số 40/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó nêu rõ lý từ chối và yêu cầu đối với người nộp thuế.***

Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo mã số thuế hoặc lý do chưa được cấp mã số thuế cho từng cá nhân để điều chỉnh, bổ sung thông tin của người phụ thuộc. Cơ quan chi trả thu nhập nộp lại hồ sơ đăng ký thuế ***sau khi được điều chỉnh, bổ sung*** cho cơ quan thuế để được cấp mã số thuế cho người phụ thuộc theo quy định.

4. Thông báo mã số thuế ***(trừ cá nhân, đại diện hộ gia đình được quy định tại khoản 2a Điều 5 Thông tư này)***

"Thông báo mã số thuế" mẫu số 11-MST ban hành kèm theo Thông tư này được cơ quan thuế cấp cho tổ chức, cá nhân sau:

a) Tổ chức, cá nhân đăng ký thuế để khấu trừ thuế và nộp thuế thay theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Thông tư này.

b) Cá nhân thực hiện đăng ký thuế qua hồ sơ khai thuế theo quy định tại Điểm b.3 Khoản 9 Điều 7 Thông tư này. Trường hợp cơ quan thuế thực hiện tính thuế và ban hành Thông báo nộp tiền theo quy định của pháp luật về quản lý thuế thì mã số thuế được cấp ghi trên Thông báo nộp tiền."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

"3. Người nộp thuế là cá nhân quy định tại Điểm k, l, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư này có thay đổi thông tin đăng ký thuế của bản thân và người phụ thuộc (bao gồm cả trường hợp thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp) nộp hồ sơ cho cơ quan chi trả thu nhập hoặc Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân đăng ký ~~hộ khẩu~~ thường trú hoặc tạm trú (trường hợp cá nhân không làm việc tại cơ quan chi trả thu nhập) như sau:

a) Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với trường hợp nộp qua cơ quan chi trả thu nhập, gồm: Văn bản ủy quyền ***theo mẫu số 01/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cá nhân hoặc người phụ thuộc chưa được hoặc không được cấp số định danh cá nhân, hồ sơ đăng ký thuế gồm:*** Văn bản ủy quyền (đối với trường hợp chưa có văn bản ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập trước đó) và bản sao các giấy tờ có thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký thuế của cá nhân hoặc người phụ thuộc.

Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin thay đổi của cá nhân hoặc người phụ thuộc vào Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TH-TCT hoặc mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

b) Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với trường hợp nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, gồm:

- Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST hoặc ***mẫu số 20-ĐK-TCT*** ban hành kèm theo Thông tư này.

- ~~Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc~~ bản sao Giấy chứng minh nhân dân ***9 số*** còn hiệu lực đối với ***cá nhân hoặc*** người phụ thuộc là người có quốc tịch Việt Nam; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với ***cá nhân hoặc*** người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài trong trường hợp thông tin đăng ký thuế trên các Giấy tờ này có thay đổi."

6. Sửa đổi khoản 1, điểm a Khoản 2 và bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

"1. Người nộp thuế thay đổi các thông tin đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 10 Thông tư này ***(trừ cá nhân, đại diện hộ gia đình được quy định tại khoản 2a Điều 5 Thông tư này)***

a) Trường hợp thay đổi thông tin không có trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế:

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

b) Trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã cập nhật thông tin thay đổi.

2. Người nộp thuế thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư này

a) Tại cơ quan thuế nơi chuyển đi:

Người nộp thuế nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Trong thời hạn chậm nhất không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế công bố ***công khai dự thảo*** biên bản, kết luận kiểm tra (đối với hồ sơ thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế (đối với hồ sơ thuộc diện không phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này ***nếu người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi*** theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế gửi cho người nộp thuế.

Người nộp thuế chuyển địa điểm hoạt động kinh doanh tại trụ sở chính, nếu tiếp tục có hoạt động kinh doanh khác địa bàn cấp tỉnh với địa bàn nơi đóng trụ sở chính và có nghĩa vụ khai thuế, nộp thuế với cơ quan thuế quản lý trên địa bàn cấp tỉnh đó theo quy định của pháp luật quản lý thuế (cơ quan thuế quản lý khoản thu) thì không phải thực hiện chuyển nghĩa vụ thuế theo quy định tại điểm ~~a.1 Khoản~~ này."

4. Cá nhân, đại diện hộ gia đình quy định tại khoản 2a Điều 5 Thông tư này thay đổi thông tin đăng ký thuế

a) Đối với thông tin đăng ký thuế thay đổi là các thông tin không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan thuế thực hiện cập nhật thông tin thay đổi của người nộp thuế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Đối với thông tin đăng ký thuế thay đổi là các thông tin có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa thực hiện truyền thông tin chủ động cho Cơ sở dữ liệu thuế

- Khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này, cơ quan thuế gửi thông tin truy vấn đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo bộ thông tin do người nộp thuế kê khai gồm: số định danh cá nhân, họ và tên, ngày-tháng-năm sinh.

- Căn cứ kết quả phản hồi của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư truyền sang:

Trường hợp kết quả xác thực là có thông tin của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan thuế cập nhật thông tin thay đổi của người nộp thuế do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư truyền sang vào hệ thống đăng ký thuế; gửi Thông báo sử dụng số định danh cá nhân là mã số thuế theo mẫu số 41/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này đã cập nhật thông tin thay đổi cho người nộp thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế.

Trường hợp kết quả xác thực là không có thông tin của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan thuế gửi Thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC (đối với hồ sơ điện tử) hoặc Thông báo về việc giải trình bổ sung thông tin tài liệu mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP (đối với hồ sơ giấy) cho người nộp thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ để người nộp thuế kiểm tra, đối chiếu. Trường hợp cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế danh sách cá nhân sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo mẫu số 41/TB-ĐKT đồng thời với thông báo danh sách cá nhân không có thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo mẫu số 40/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có).

Sau khi kiểm tra, trường hợp thông tin số định danh cá nhân, họ và tên, ngày-tháng-năm sinh tại Tờ khai đăng ký thuế khác với thông tin trên Căn cước công dân, người nộp thuế khai, nộp lại hồ sơ đăng ký thuế khác. Trường hợp thông tin số định danh cá nhân, họ và tên, ngày-tháng-năm sinh tại Tờ khai đăng ký thuế trùng với thông tin trên Căn cước công dân, người nộp thuế gửi bổ sung bản sao căn cước công dân kèm Tờ khai đăng ký thuế. Sau khi kiểm tra, đối chiếu Tờ khai đăng ký thuế và bản sao căn cước công dân, nếu thông tin trùng khớp, cơ quan thuế cập nhật thông tin thay đổi của người nộp thuế, đồng thời thông tin với cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và người nộp thuế để cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật về căn cước công dân.

b.2) Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thực hiện truyền thông tin chủ động cho Cơ sở dữ liệu thuế, cơ quan thuế tự động cập nhật thông tin thay đổi của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu thuế theo thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư truyền sang."

7. Sửa đổi điểm d khoản 4 Điều 14 như sau:

"4. Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quyết định, thông báo, giấy tờ khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

d) Các giấy tờ liên quan của cơ quan có thẩm quyền xác nhận cá nhân đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự (Giấy chứng tử hoặc giấy báo tử hoặc các giấy tờ thay cho giấy báo tử theo quy định của pháp luật về hộ tịch,

hoặc quyết định của tòa án tuyên bố một người là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự); ***thông tin cá nhân chết, mất tích do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư truyền sang đối với cá nhân được cấp mã số định danh theo pháp luật về căn cước công dân***."

8. Sửa đổi điểm g khoản 3 Điều 16 như sau:

"3. Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi đến cơ quan thuế trực tiếp

g) Đối với giấy chứng tử hoặc giấy báo tử hoặc các giấy tờ thay cho giấy báo tử theo quy định của pháp luật về hộ tịch hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự; ***thông tin cá nhân chết, mất tích do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư truyền sang*** theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 14 Thông tư này

Cơ quan thuế căn cứ giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền xác nhận cá nhân đã bị chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc ***thông tin cá nhân chết, mất tích do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư truyền sang*** để cập nhật thông tin và chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế là cá nhân thành "NNT ngừng hoạt động và đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế. Trường hợp cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và Khoản 4 Điều 15 Thông tư này, cơ quan thuế thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế theo quy định."

9. Sửa đổi điểm d Khoản 1 và khoản 2 Điều 18 như sau:

"1. Hồ sơ khôi phục mã số thuế của người nộp thuế:

d) Người nộp thuế đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế do chia, hợp nhất, sáp nhập ***hoặc chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã*** đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 14 Thông tư này sau đó có văn bản hủy Quyết định chia, hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất, ***hoặc văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc*** và cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã chưa chấm dứt hoạt động đối với doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất ***hoặc đối với đơn vị phụ thuộc*** thì người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao văn bản hủy bỏ Quyết định chia, Hợp đồng sáp nhập, Hợp đồng hợp nhất; ***bản sao văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc***.

Người nộp thuế phải hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, hóa đơn theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế trước khi khôi phục mã số thuế."

2. Hồ sơ khôi phục mã số thuế theo quyết định, thông báo, giấy tờ khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Giao dịch thông báo khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã.

b) Quyết định của Tòa án hủy bỏ Quyết định tuyên bố cá nhân là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự; ***thông tin khôi phục lại mã số định danh của cá nhân chết, mất tích do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư truyền sang***."

10. Sửa đổi khoản 2 Điều 19 như sau:

"2. Khi cơ quan thuế nhận được Quyết định của Tòa án hủy bỏ Quyết định tuyên bố cá nhân là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự, ***hoặc thông tin khôi phục lại mã số định danh của cá nhân chết, mất tích do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư truyền sang***, cơ quan thuế thực hiện khôi phục mã số thuế cho cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án hoặc ***thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư***."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

1. Bổ sung điểm b.3 khoản 1 Điều 10 như sau:

"1. Đăng ký cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

b) Thủ tục đăng ký, cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử trực tiếp qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

b.3. Đối với người nộp thuế là cá nhân đã đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 theo quy định tại khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; đồng thời hệ thống định danh, xác thực điện tử và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đã được kết nối, vận hành thì người nộp thuế là cá nhân được sử dụng tài khoản định danh điện tử để tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký, cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử theo các bước công việc tại điểm b.1 khoản 1 Điều 10 Thông tư số 19/2021/TT-BTC; yêu cầu kích hoạt tài khoản giao dịch điện tử cho người nộp thuế là cá nhân được gửi qua số điện thoại đã đăng ký hoặc email đã đăng ký."

2. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 13 như sau:

"1. Hồ sơ đăng ký thuế lần đầu

b) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận, đối chiếu thông tin và gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC) cho người nộp thuế chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế vào địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế, thông báo nêu rõ thời gian, địa điểm trả kết quả~~, đồng thời yêu cầu người nộp thuế mang hồ sơ giấy đến trụ sở cơ quan thuế~~."

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 32 như sau:

"1. Cơ quan thuế lập và gửi Biên bản vi phạm hành chính về xử phạt vi phạm hành chính về thuế bằng phương thức điện tử:

a) Về đăng ký thuế: Người nộp thuế khi có hành vi vi phạm về thời hạn đăng ký thuế; thời hạn thông báo đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế; thời hạn thông báo ~~đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế~~ ***tạm ngừng hoạt động kinh doanh; thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn*** thì cơ quan thuế căn cứ ngày nộp hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư này được ghi trên thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế/hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế/hồ sơ đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) và thời hạn quy định tại Luật Quản lý thuế và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế để xác định số ngày chậm nộp hồ sơ và lập Biên bản vi phạm hành chính về xử phạt vi phạm hành chính về thuế gửi cho người nộp thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này."

"3. Cơ quan thuế ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế bằng phương thức điện tử:

b) Sau thời hạn giải trình nêu tại khoản 2 Điều 32 Thông tư số 19/2021/TT-BTC, cơ quan thuế căn cứ hành vi vi phạm hành chính thuế của người nộp thuế đã nêu trong Biên bản vi phạm hành chính thuế và các văn bản, hồ sơ giải trình bổ sung thông tin tài liệu về các tình tiết giảm nhẹ của người nộp thuế (nếu có) để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế và gửi cho người nộp thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 19/2021/TT-BTC.

Trường hợp không chấp nhận nội dung giải trình, bổ sung thông tin tài liệu của người nộp thuế thì cơ quan thuế gửi Thông báo không chấp nhận giải trình, bổ sung thông tin tài liệu ***(theo mẫu số 01-3/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này)*** đồng thời cùng với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế cho người nộp thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 19/2021/TT-BTC".

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng .... năm 2023 *(sau 45 ngày kể từ ngày ký)*.

2. Các mẫu biểu Mẫu số 05-ĐKT-TCT, Mẫu số 05-ĐK-TH-TCT, Mẫu số 20-ĐK-TCT, Mẫu số 20-ĐK-TH-TCT, Mẫu số 16/TB-ĐKT, Mẫu số 28/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này thay thế các mẫu biểu tương ứng ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

3. Trường hợp cá nhân đã đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 theo quy định tại khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, đồng thời hệ thống định danh và xác thực điện tử, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đã được kết nối, vận hành thì được sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử mà không phải nộp bản sao hộ chiếu trong hồ sơ đăng ký thuế theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 7, điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư số 105/2020/TT-BTC nếu đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

1. Người nộp thuế là cá nhân, đại diện hộ gia đình được cấp số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về căn cước công dân vẫn tiếp tục sử dụng mã số thuế đã được cấp cho đến khi cơ quan thuế thông báo về việc người nộp thuế sử dụng số định danh cá nhân là mã số thuế.

2. Cơ quan thuế thông báo về việc người nộp thuế sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế đã được cấp khi người nộp thuế thực hiện đăng ký thay đổi thông tin giấy tờ của cá nhân sang số định danh cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 10 và khoản 4 Điều 11 Thông tư số 105/2020/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư này), hoặc cơ quan thuế tự động chuyển đổi mã số thuế đã cấp sang số định danh cá nhân để sử dụng thay cho mã số thuế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

3. Kể từ thời điểm người nộp thuế nhận được Thông báo cá nhân sử dụng số định danh cá nhân là mã số thuế, người nộp thuế sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế khi thực hiện các thủ tục về thuế, bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung nghĩa vụ thuế phát sinh theo mã số thuế đã cấp trước đó. Đồng thời, cơ quan thuế theo dõi, quản lý toàn bộ dữ liệu của người nộp thuế, dữ liệu đăng ký giảm trừ gia cảnh của người phụ thuộc bằng số định danh cá nhân.

4. Cơ quan thuế chuẩn hóa dữ liệu mã số thuế đã cấp cho cá nhân với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư như sau:

a) Trường hợp thông tin họ và tên, số căn cước công dân/chứng minh nhân dân, ngày-tháng-năm sinh của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu thuế khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

Cơ quan thuế tự động chuyển đổi mã số thuế đã cấp sang số định danh cá nhân để sử dụng thay cho mã số thuế đã cấp.

Cơ quan thuế gửi Thông báo cá nhân sử dụng số định danh cá nhân là mã số thuế theo mẫu số 41/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này đến tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế hoặc địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế. Trường hợp người nộp thuế không có tài khoản giao dịch thuế điện tử, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại thì cơ quan thuế gửi Thông báo cá nhân sử dụng số định danh cá nhân là mã số thuế theo mẫu số 41/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này cho người nộp thuế theo địa chỉ hiện tại của người nộp thuế.

b) Trường hợp thông tin họ và tên, số căn cước công dân/chứng minh nhân dân, ngày-tháng-năm sinh của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu thuế khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nhưng thông tin về địa chỉ thường trú, địa chỉ hiện tại khác nhau:

Cơ quan thuế thực hiện cập nhật thông tin địa chỉ theo thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và thông báo cho người nộp thuế biết cùng với thông báo cá nhân sử dụng số định danh cá nhân là mã số thuế. Cá nhân kiểm tra lại thông tin địa chỉ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trường hợp không chính xác, cá nhân thực hiện điều chỉnh thông tin với cơ quan công an theo quy định của pháp luật về căn cước công dân, đồng thời đăng ký thay đổi thông tin với cơ quan thuế theo quy định tại Thông tư này để đảm bảo thông tin đồng bộ.

c) Trường hợp thông tin họ và tên, số căn cước công dân/chứng minh nhân dân, ngày-tháng-năm sinh của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu thuế không xác định được thông tin tương ứng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

Cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP để người nộp thuế kiểm tra, đối chiếu:

- Trường hợp thông tin họ và tên, số căn cước công dân/chứng minh nhân dân, ngày-tháng-năm sinh trong Cơ sở dữ liệu thuế đã khớp đúng với thông tin trên căn cước công dân nhưng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không khớp đúng, cá nhân liên hệ cơ quan công an để cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật về căn cước công dân. Sau khi các thông tin trên của cá nhân được cập nhật, điều chỉnh tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan thuế tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Trường hợp thông tin họ và tên, số căn cước công dân/chứng minh nhân dân, ngày-tháng-năm sinh trong Cơ sở dữ liệu thuế không khớp đúng với thông tin trên căn cước công dân, cá nhân thực hiện đăng ký thay đổi thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 10 và khoản 4 Điều 11 Thông tư số 105/2020/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư này). Nếu thông tin trên căn cước công dân không khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân liên hệ cơ quan công an để được cập nhật, điều

chỉnh tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi làm thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế.

d) Trường hợp cá nhân đã được cấp mã số thuế theo giấy tờ khác căn cước công dân/chứng minh nhân dân, hoặc cá nhân đã được cấp mã số thuế theo chứng minh nhân dân 9 số:

Cá nhân thực hiện đăng ký thay đổi thông tin giấy tờ của cá nhân sang số định danh cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 10 và khoản 4 Điều 11 Thông tư số 105/2020/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư này) để chuyển sang sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế đã được cấp. Nếu cá nhân chưa được cấp số định danh cá nhân, cá nhân liên hệ cơ quan công an để được cấp số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về căn cước công dân trước khi làm thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế. Trong thời gian này, người nộp thuế được tiếp tục sử dụng mã số thuế đã được cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp người nộp thuế đã được cấp nhiều hơn 01 (một) mã số thuế, cơ quan thuế sử dụng số định danh cá nhân để hợp nhất dữ liệu thuế của người nộp thuế, đồng thời yêu cầu người nộp thuế thực hiện kê khai điều chỉnh thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc (nếu bị trùng), điều chỉnh hồ sơ khai thuế nếu việc sử dụng nhiều mã số thuế để kê khai nộp thuế, kê khai giảm trừ gia cảnh ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định của pháp luật thuế.

6. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Website Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc BTC;
- Website Bộ Tài chính, Website Tổng cục Thuế;
- Lưu: VT; TCT (VT, KK4b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Anh Tuấn

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày / /2023 của Bộ Tài chính)

Số TT	Tên mẫu biểu	Mẫu số
1	Giấy ủy quyền đăng ký thuế	01/UQ-ĐKT
2	Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho cá nhân không kinh doanh)	05-ĐK-TCT
3	Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có uỷ quyền)	05-ĐK-TH-TCT
4	Tờ khai đăng ký thuế (dùng cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công)	20-ĐK-TCT
5	Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có ủy quyền)	20-ĐK-TH-TCT
6	Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký	16/TB-ĐKT
7	Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ <giải thể/chấm dứt hoạt động> đến cơ quan <đăng ký kinh doanh/đăng ký hợp tác xã>	28/TB-ĐKT
8	Thông báo về việc cá nhân/người phụ thuộc không có thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không cấp MST cho cá nhân/người phụ thuộc đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập	40/TB-ĐKT
9	Thông báo cá nhân sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế	41/TB-ĐKT
10	Thông báo về việc không chấp nhận giải trình, bổ sung thông tin tài liệu	01-3/TB-TĐT

Mẫu số: **01/UQ-ĐKT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../TT-BTC ngày.../.../... của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN ĐĂNG KÝ THUẾ

☐ Đăng ký thuế ☐ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

Tên tôi là: ...
Ngày, tháng, năm, sinh:...
Số định danh cá nhân :...
Mã số thuế đã được cấp (nếu có): ...

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-BTC ngày .../.../... của Bộ Tài chính, nay tôi ủy quyền cho <tên cơ quan chi trả thu nhập>, mã số thuế <mã số thuế cơ quan chi trả thu nhập> đăng ký thuế cho tôi theo thông tin trên.

Hoặc: Căn cứ Thông tư số .../.../TT-BTC ngày .../.../... của Bộ Tài chính, nay tôi ủy quyền cho <tên cơ quan chi trả thu nhập>, mã số thuế <mã số thuế cơ quan chi trả thu nhập> đăng ký thuế đối với người phụ thuộc của tôi như sau:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Số định danh cá nhân	Ngày tháng năm sinh	Mã số thuế đã được cấp (nếu có)
...				
...				

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đăng ký thuế của tôi/người phụ thuộc trên giấy ủy quyền này./.

..., ngày...tháng... năm...
NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: **05-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số ..../2023/TT-BTC ngày .../.../2023 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
(Dùng cho cá nhân không kinh doanh)

1. Họ và tên người đăng ký thuế:.....
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
2a. Tên
2b. Mã số thuế | | | | | | | | | | | | | | |
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:
3. Ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.....
4. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

5. Quốc tịch:.....
6a. Số định danh cá nhân:.....
6b. Số hộ chiếu/Số CMND 9 số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
7. Địa chỉ nơi thường trú:
7a. Số nhà/đường phố, thôn, xóm: .....
7b. Xã, phường: .....
7c. Quận, huyện: .....
7d. Tỉnh, thành phố: .....
7đ. Quốc gia: .....
8. Địa chỉ hiện tại:
8a. Số nhà/đường phố, thôn, xóm:.....
8b. Xã, phường: .....
8c. Quận, huyện: .....
8d. Tỉnh, thành phố: .....
9. Điện thoại liên hệ: .....Email: .....
10. Cơ quan chi trả thu nhập tại thời điểm đăng ký thuế: .....
Tôi cam kết những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ...tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐĂNG KÝ THUẾ
Ký và ghi rõ họ tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI
MẪU SỐ 05-ĐK-TCT

1. Họ và tên người đăng ký thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên cá nhân đăng ký thuế.

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Ngày, tháng, năm sinh của cá nhân: Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của cá nhân đăng ký thuế.

4. Giới tính: Tích vào 1 trong 2 ô Nam hoặc Nữ.

5. Quốc tịch: Ghi rõ Quốc tịch của cá nhân đăng ký thuế.

6. Số định danh cá nhân: Ghi chính xác số định danh cá nhân được cấp theo quy định của pháp luật về căn cước công dân của cá nhân đăng ký thuế.

6b. Số hộ chiếu/Số CMND 9 số: Cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân thì khai thông tin hộ chiếu; cá nhân là người Việt Nam chưa có số định danh cá nhân thì khai thông tin CMND 9 số còn hiệu lực.

7. Địa chỉ nơi thường trú: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ nơi thường trú của cá nhân đã được ghi trên sổ hộ khẩu hoặc trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Địa chỉ hiện tại: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ về nơi ở hiện tại của cá nhân (chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ nơi thường trú).

Ghi chú: Cá nhân có số định danh cá nhân khai tại chỉ tiêu 6a thì không phải kê khai chỉ tiêu 7,8. Cơ quan thuế tự động tích hợp thông tin "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 7,8.

9. Điện thoại liên hệ, email: Ghi số điện thoại, địa chỉ email (nếu có).

10. Cơ quan chi trả thu nhập tại thời điểm đăng ký thuế: Ghi cơ quan chi trả thu nhập đang công tác tại thời điểm đăng ký thuế (nếu có).

11. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: 05-ĐK-TH-TCT
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../TT-BTC ngày .../.../2023 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ TỔNG HỢP CỦA CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có ủy quyền)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập:

2. Mã số thuế:

3. Cơ quan thuế quản lý:

4. Thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân có ủy quyền như sau:

STT	Họ và tên người nộp thuế	Mã số thuế- nếu có (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu				Địa chỉ nơi thường trú					Địa chỉ hiện tại				Điện thoại liên hệ	Email
						Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu/Số CMND 9 số	Ngày cấp Hộ chiếu/CMND	Nơi cấp Hộ chiếu/CMND	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Quốc gia	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
2																				
3																				
...																				

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng theo thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân đã ủy quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

...., ngày... /.../.....

CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ ủy quyền của cá nhân là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

2. Cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam thì khai số định danh cá nhân vào chỉ tiêu 7 và không cần kê khai các chỉ tiêu từ 11 đến 19. Cơ quan thuế tự động tích hợp dữ liệu "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu từ 11 đến 19.

3. Cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân thì phải khai thông tin hộ chiếu vào chỉ tiêu 8,9,10; cá nhân là người Việt Nam chưa có số định danh cá nhân thì phải khai thông tin CMND 9 số còn hiệu lực vào chỉ tiêu 8,9,10.

Mẫu số: 20-ĐK-TCT
(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BTC ngày / /2023 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Họ và tên cá nhân có thu nhập: .....

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số NPT:..... .....

4. Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý): .....

5. Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập (nếu có):

6. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

~~**I. Người phụ thuộc đăng ký thuế bằng CMND/CCCD/Hộ chiếu:**~~

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh	Mã số thuế (nếu có)	Quốc tịch	~~Loại giấy tờ (CMND/CCCD/Hộ chiếu)~~ Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu/Số CMND 9 số	Ngày cấp Hộ chiếu/CMND	Nơi cấp Hộ chiếu/CMND	Địa chỉ nơi thường trú	Địa chỉ hiện tại	Quan hệ với người nộp thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
...											

II. Người phụ thuộc đăng ký thuế bằng giấy khai sinh:

STT	Họ và tên	MST (nếu có)	Thông tin trên giấy khai sinh							Quốc tịch	Quan hệ với người nộp thuế
			Ngày sinh	Số	Ngày cấp	Nơi đăng ký					
						Quốc gia	Tỉnh/Thành phố	Quận/ Huyện	Phường/ Xã		
(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1											

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm...
CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Cá nhân chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

2. Người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam thì khai số định danh cá nhân vào chỉ tiêu 6 và không cần kê khai các chỉ tiêu 7, 8, 9, 10, 11. Cơ quan thuế tự động tích hợp dữ liệu "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của người phụ thuộc từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 10, 11.

3. Người phụ thuộc có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân thì phải khai thông tin hộ chiếu vào các chỉ tiêu 7,8,9; cá nhân là người Việt Nam chưa có số định danh cá nhân thì phải khai thông tin CMND 9 số còn hiệu lực vào chỉ tiêu 7,8,9.

Mẫu số: 20-ĐK-TH-TCT
(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BTC ngày / /2023 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ TỔNG HỢP NGƯỜI PHỤ THUỘC CỦA CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có ủy quyền)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên Cơ quan chi trả thu nhập:..... ....

2. Mã số thuế:

3. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

~~**I. Người phụ thuộc đăng ký thuế bằng CMND/CCCD/Hộ chiếu:**~~

STT	Họ và tên người phụ thuộc	MST (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày sinh	Quốc tịch	~~Loại giấy tờ (CMND /CCCD/ Hộ chiếu)~~ Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu/Số CMND 9 số	Ngày cấp Hộ chiếu /CMND	Nơi cấp Hộ chiếu /CMND	Địa chỉ nơi thường trú				Địa chỉ hiện tại				Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh	Tên cá nhân có thu nhập	Mã số thuế/Số định danh cá nhân của cá nhân có thu nhập
									Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Số nhà/ đường phố	xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1																			
2																			
...																			

II. Người phụ thuộc đăng ký thuế bằng giấy khai sinh:

STT	Họ và tên	MST (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Thông tin trên giấy khai sinh							Quốc tịch	Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh	Tên cá nhân có thu nhập	MST của cá nhân có thu nhập
			Ngày sinh	Số	Ngày cấp	Nơi đăng ký							
						Quốc gia	Tỉnh/ thành phố	Quận/ Huyện	Phường/Xã				
(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)
1													

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc được cá nhân ủy quyền là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

2. Người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam thì khai số định danh cá nhân vào chỉ tiêu 6 và không cần kê khai các chỉ tiêu từ 7 đến 17. Cơ quan thuế tự động tích hợp dữ liệu "địa chỉ thường trú", "địa chỉ hiện tại" của người phụ thuộc từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào các chỉ tiêu từ 10 đến 17.

3. Người phụ thuộc có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân thì phải khai thông tin hộ chiếu vào các chỉ tiêu 7,8,9; cá nhân là người Việt Nam chưa có số định danh cá nhân thì phải khai thông tin CMND 9 số còn hiệu lực vào chỉ tiêu 7,8,9.

Mẫu số: **16/TB - ĐKT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày / /2023 của Bộ Tài chính)

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../TB-....(3).....	*....., ngày ... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO
Về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Căn cứ Biên bản xác minh người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký ngày ....,

Cục Thuế (hoặc Chi cục Thuế) ....., thông báo:

Người nộp thuế .....;

Mã số thuế/mã số doanh nghiệp ....., đơn vị cấp: .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: số... ngày cấp ... cơ quan cấp.....

Ngành nghề kinh doanh chính: .....

Người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế: .....

Chức vụ: ...; CMND/CCCD/Hộ chiếu số: .....; ngày cấp:..... nơi cấp: .....

Người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký từ ngày ban hành Thông báo này. Người nộp thuế không được sử dụng hóa đơn và mã số thuế trong các giao dịch kinh tế kể từ ngày ban hành Thông báo này.

Trường hợp người nộp thuế là đơn vị chủ quản có các đơn vị phụ thuộc thì mã số thuế của các đơn vị phụ thuộc đồng thời bị cơ quan thuế cập nhật trạng thái không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo trạng thái mã số thuế của đơn vị chủ quản (chi tiết mã số thuế của đơn vị phụ thuộc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo đơn vị chủ quản theo danh sách kèm theo).

Cơ quan thuế thông báo để (4) được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(5)**
- ... - ...; - Lưu: VT, ~~KK&KTT~~ TTKT.	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(1): Tên cơ quan thuế cấp trên
(2): Tên cơ quan thuế cấp dưới
(3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
(4): Tên người nộp thuế
(5): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

DANH SÁCH
ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC BỊ CẬP NHẬT TRẠNG THÁI KHÔNG HOẠT ĐỘNG TẠI ĐỊA CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ THEO ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
(Kèm theo Thông báo số ... ngày ... của ...)

STT	MST	Tên NNT	CQT trực tiếp quản lý	Ngày cập nhật MST về trạng thái không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký
1				
2				
...				

DANH SÁCH
MÃ SỐ THUẾ NỘP THAY BỊ CẬP NHẬT TRẠNG THÁI KHÔNG HOẠT ĐỘNG TẠI ĐỊA CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ THEO ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
(Kèm theo Thông báo số ... ngày ... của ...)

STT	MST	CQT trực tiếp quản lý	Ngày cập nhật MST về trạng không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký
1			
2			
...			

Mẫu số: **28/TB - ĐKT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày / /2023 của Bộ Tài chính)

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ <giải thể/chấm dứt hoạt động> đến cơ quan <đăng ký kinh doanh/đăng ký hợp tác xã>

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

<Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành về đăng ký doanh nghiệp;>

<Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành về đăng ký hợp tác xã;>

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

Căn cứ Thông tư số ..../2023/TT-BTC ngày .../.../2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 và Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của .....(4)..... mã số thuế ...(5)... nộp ngày .../.../....

...(2)... thông báo ....(4)...., địa chỉ ...(6)... đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế từ ngày .../.../.... Đề nghị người nộp thuế nộp hồ sơ <giải thể ~~doanh nghiệp/hồ sơ~~ chấm dứt hoạt động ~~của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của doanh nghiệp~~> đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi ~~<doanh nghiệp hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp đặt trụ sở>~~ người nộp thuế đặt trụ sở theo quy định của <Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành về đăng ký doanh nghiệp> <Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành về đăng ký hợp tác xã>.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(2).....(7).....

Địa chỉ: .....(8).....

Số điện thoại: Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- <Người nộp thuế>;
- <Các bộ phận có liên quan: Thanh tra kiểm tra,...>;
- .....;
- Lưu: VT, Bp ban hành Thông báo.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (9)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

(1): Tên cơ quan thuế cấp trên
(2): Tên cơ quan thuế cấp dưới
(3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
(4): Tên người nộp thuế
(5): MST/MSDN của người nộp thuế
(6): Địa chỉ của người nộp thuế
(7): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
(8): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
(9): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Mẫu số: **40/TB - ĐKT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày / /2023 của Bộ Tài chính)

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc cá nhân/người phụ thuộc không có thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không cấp MST cho cá nhân/người phụ thuộc đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

Căn cứ Thông tư số ..../2023/TT-BTC ngày .../.../2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 và Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký thuế mẫu số ... của ...(4)... mã số thuế ...5).....địa chỉ ... (6) .... nộp ngày.../.../....

Cơ quan thuế thông báo danh sách các cá nhân/người phụ thuộc không có thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không được cấp mã số thuế như sau:

STT	Họ và tên	Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ hiện tại	Lý do
1							
2							
3							
...							

Yêu cầu <tên cơ quan chi trả thu nhập> thông báo cho từng cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập có thông tin bị trùng lắp hoặc sai sót nêu tại cột lý do theo danh sách nêu trên được biết để sửa đổi, bổ sung thông tin theo quy định.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

.....(2).....(7).....

Địa chỉ: .....(8).....

Số điện thoại: Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (9)

- <Người nộp thuế>;
- Lưu: VT, KK&KTT.

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

(1): Tên cơ quan thuế cấp trên
(2): Tên cơ quan thuế cấp dưới
(3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
(4): Tên người nộp thuế
(5): MST/MSDN của người nộp thuế
(6): Địa chỉ của người nộp thuế
(7): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
(8): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
(9): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Mẫu số: 41/TB-ĐKT *(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày / /2023 của Bộ Tài chính)*

.....(1)..... **.....(2).....**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-....(3).....	*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO
Cá nhân sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

Căn cứ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

Căn cứ Thông tư số ..../2023/TT-BTC ngày .../.../2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 và Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

<1. Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa thực hiện truyền thông tin chủ động cho Cơ sở dữ liệu thuế và cá nhân đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập thì ghi:>

Trên cơ sở hồ sơ đăng ký thuế/hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế ngày .../.../... của <tên cơ quan chi trả thu nhập> và thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cung cấp, cơ quan thuế thông báo cá nhân/người phụ thuộc sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế như sau:

<1.1. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế cho cá nhân có thu nhập thì ghi:>

STT	Họ và tên	Số định danh cá nhân	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ hiện tại	MST đã cấp (nếu có)
...						
...						

<1.2. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc thì ghi:>

STT	Cá nhân có người phụ thuộc		Người phụ thuộc					
	Họ và	Số định danh cá	Họ và	Số định danh cá	Ngày, tháng,	Địa chỉ thường	Địa chỉ hiện tại	MST đã cấp

	tên	nhân	tên	nhân	năm sinh	trú		(nếu có)
...								
...								

Yêu cầu <tên cơ quan chi trả thu nhập> thông báo cho từng cá nhân/cá nhân có người phụ thuộc có tên tại danh sách nêu trên. Cá nhân sử dụng số định danh làm mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày ban hành thông báo này.

<2. Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa tích hợp tự động với Cơ sở dữ liệu thuế và cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì ghi:>

Trên cơ sở hồ sơ đăng ký thuế/hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế ngày .../.../... của <họ và tên cá nhân đăng ký thuế> và thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cung cấp, cơ quan thuế thông báo cá nhân/người phụ thuộc sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế như sau:

<2.1. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế cho cá nhân thì ghi:>

1. Tên người nộp thuế:...(4)...
2. Số định danh cá nhân:...
3. Ngày, tháng, năm sinh:...
4. Địa chỉ thường trú:...
5. Địa chỉ hiện tại:...
6. Mã số thuế đã cấp (nếu có):...(5)...

<2.2. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc thì ghi:>

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Số định danh cá nhân	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ hiện tại	MST đã cấp (nếu có)
...						
...						

Người nộp thuế sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày ban hành thông báo này.

<3. Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thực hiện truyền thông tin chủ động cho Cơ sở dữ liệu thuế thì ghi:>

Trên cơ sở thông tin cấp số định danh cá nhân/thay đổi thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cung cấp, cơ quan thuế thông báo cá nhân sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế như sau:

1. Tên người nộp thuế:...(4)...
2. Số định danh cá nhân:...
3. Ngày, tháng, năm sinh:...

4. Địa chỉ thường trú:...

5. Địa chỉ hiện tại:...

6. Mã số thuế đã cấp (nếu có):...(5)...

Người nộp thuế sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày ban hành thông báo này.

<4. Trường hợp cá nhân đã được cấp mã số thuế thì ghi tiếp:>

Toàn bộ dữ liệu của người nộp thuế, dữ liệu đăng ký giảm trừ gia cảnh của người phụ thuộc tiếp tục được cơ quan thuế theo dõi, quản lý bằng số định danh cá nhân kể từ thời điểm ban hành thông báo này. Người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế là số định danh cá nhân khi thực hiện các thủ tục về thuế, bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung nghĩa vụ thuế phát sinh theo mã số thuế đã cấp trước đó.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ theo địa chỉ:

…….(2)……., ……(6)……..

Địa chỉ: ……(7)……..

Số điện thoại: ... Địa chỉ E-mail: ...

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- <NNT>;
- Lưu: VT, KK&KTT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (8)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

(1): Tên cơ quan thuế cấp trên
(2): Tên cơ quan thuế cấp dưới/ CQT ban hành Thông báo
(3): Cục Thuế (CT) hoặc Chi cục Thuế (CCT)
(4): Tên NNT
(5): MST của NNT
(6): Bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ
(7): Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo
(8): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định

Mẫu số: **01-3/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2023/TT-BTC ngày ..../..../2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../TB-TĐT

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc không chấp nhận giải trình, bổ sung thông tin tài liệu

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT- BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Căn cứ Thông tư số ..../2023/TT-BTC ngày .../.../2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 và Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ *<chứng từ điện tử>* của *<người nộp thuế/người nộp thuế do <tên đại lý thuế, mã số thuế> gửi tới cơ quan thuế/người nộp thuế do <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> chuyển sang cơ quan thuế>* đã được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thông báo tiếp nhận vào lúc...giờ...phút ngày ... tháng ... năm....., mã giao dịch điện tử..... Cơ quan thuế thông báo về việc không chấp nhận *<chứng từ điện tử>* của *<người nộp thuế/người nộp thuế do <tên đại lý thuế, mã số thuế> gửi tới cơ quan thuế/người nộp thuế do <Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền> chuyển sang>*, cụ thể như sau:

- Tên hồ sơ:.....
- Lý do không chấp nhận cụ thể như sau:

.....

.....

.....

Cơ quan thuế thông báo để *<Tên người nộp thuế>* được biết./.

Nơi nhận:
-*<Người nộp thuế>*;
- .....;
- Lưu: ....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

<Chữ ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của cơ quan thuế >

Họ và tên